TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 06/02/2018
V/v: *"Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Phương.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Thi.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ *tham gia phiên tòa*: Ông Đào Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nông Văn S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp 9, xã R, huyện M, tỉnh N.

- *Bị đơn*: Chị Chu Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 172, tổ 2, ấp 2, xã R, huyện M, tỉnh N.

Anh S có mặt, chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2017, bản tự khai ngày 26/6/2017 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn anh Nông Văn S trình bày:

Anh và chị Chu Thị L quen biết nhau từ năm 2007, đến năm 2009 thì anh chị tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà anh S ở ấp 9, xã R, huyện M. Trong đời sống vợ

chồng không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do công việc của anh là đi khoan giếng thuê, thường ngủ lại để trong coi máy móc nên chị L thường xuyên nghi ngờ ghen tuông anh, dẫn đến gây gỗ và cãi vã nhau. Vào năm 2013, chị L bỏ nhà về ở tại nhà anh trai khoảng 08 tháng. Đầu năm 2014 chị quay lại chung sống với nhau được thêm 01 năm nữa, rồi chị L đập phá đồ đạc và tiếp tục bỏ đi về nhà anh trai sống cho đến nay. Do vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Chu Thị L.

Về con chung: Có một cháu tên Nông Thị T sinh ngày 24/12/2010, do anh S nuôi dưỡng từ khi chị L bỏ đi. Sau khi chấm dứt quan hệ vợ chồng, anh yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị Chu Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Chu Thị L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh S và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Anh S yêu cầu ly hôn nhưng quan hệ hôn nhân của anh, chị được xác lập sau ngày Luật Hôn nhân Gia đình năm 1987 có hiệu lực, ngày 03 tháng 01 năm 1987 và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S với chị L.

[3] *Về con chung*: Có một cháu tên Nông Thị T sinh ngày 24/12/2010 do anh Sinh đang nuôi dưỡng từ khi chị Lớ bỏ nhà đi, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T.

Xét, việc giao con cho ai được nuôi dưỡng cần xem xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế thực tế, chỗ ở của các bên, điều kiện để phát triển về mọi mặt của

con từ thể chất đến tinh thần và việc học hành. Theo lời khai của anh S và cháu T thì anh S là người trực tiếp nuôi con từ khi chị L bỏ nhà đi đến nay luôn được đảm bảo tốt. Vì vậy, xử giao cháu Nông Thị T cho anh sinh được tiếp tục nuôi dưỡng nhằm giữ ổn định cho sự phát triển về tinh thần, thể chất và cuộc sống cho con, là phù hợp với nguyện vọng của cháu T tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2017 và quy định tại Điều 15, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S khai không có; chị L vắng mặt, không có lời khai nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh S chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

[6] *Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị L.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh S, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nông Văn S và chị Chu Thị L. Giao cháu Tr cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nông Văn S đối với chị Chu Thị L.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nông Văn S và chị Chu Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị T, sinh ngày 24/12/2010 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh S và chị L vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị L có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yầu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai số 004088 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản sao bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Cẩm Mỹ;
- THADS H.Cẩm Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Mỹ